Ngày soạn: TUẦN 7 TIẾT 21

13 - 10 - 24

**BÀI 2.**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ĐIỂN CỐ, ĐIỂN TÍCH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

**-** Củng cố kiến thức đã học và làm bài tập thực hành tiếng Việt*: Điển cố, điển tích.*

**2. Năng lực**

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- *Năng lực tự chủ và tự học:*biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:*biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

- Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng;

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
2. **Nội dung**: GV tổ chức cho hs chơi trò chơi tìm kiếm ô chữ về tên các văn bản truyện thơ nôm và nêu một vài đặc điểm chung về nghệ thuật của các truyện thơ nôm?
3. **Sản phẩm:** Tên các văn bản truyện thơ nôm và nét chung về nghệ thuật.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Yêu cầu hs tham gia trò chơi tô chữ về tên các văn bản thơ cổ/ truyện thơ nôm và nêu một vài đặc điểm chung về nghệ thuật của các truyện thơ nôm**.**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS chuẩn bị kiến thức về truyện thơ nôm, làm việc nhóm đôi tìm trong phiếu trò chơi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

Hs tham gia trả lời theo nhóm đôi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét phần trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

Một trong những nét đặc trưng của nghệ thuật kể truyện thơ nôm/ sáng tác thơ cổ là việc sử dụng các điển tích, điển cố.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu**: Học sinh nắm được khái niệm thế nào là điển cố, điển tích, cho ví dụ.

**b) Nội dung**: GV tổ chức cho hs điền vào bảng KWL

**c) Sản phẩm:** Bảng KWL về điển cố, điển tích.

**d) Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày thông tin về điển cố, điển tích; những điều còn băn khoăn khi tìm hiểu về điển cố, điển tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trình bày theo nội dung đã tìm hiểu, điền vào bảng.  **HS** hoạt động nhóm đôi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Chọn 1 cặp đôi lên trình bày.**  **B4. Kết luận, nhận định (GV)**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | K (Những điều em đã biết) | W (Những điều em muốn học) | L (Những điều em học được) | | \* Khái niệm:  - Điển cố: Là những câu chữ trong sách đời trước được dẫn lại một cách súc tích.  - Điển tích: Là những câu chuyện trong sách đời trước được dẫn lại một cách cô đúc trong văn thơ. | - Tác dụng của điển cố, điển tích. |  | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập (Thực hành)** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết các điển cố, điển tích.  - Nêu nguồn gốc, nghĩa của điển cố điển tích.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng trò chơi và thảo luận nhóm.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***Bài tập 1: \* Trò chơi: Ai nhanh hơn***  - Chia lớp ra làm 2 nhóm (Dãy A; Dãy B):  **-** Các hs cử đại diện cho mỗi nhóm (4-5 hs), chơi tiếp sức.  **Nối cột A và B:**    **Bài tập 2: Thảo luận nhóm: GV chia 4 nhóm (Làm việc cá nhân 4p, thảo luận nhóm 4p)**    ***Nhận xét chung về tác dụng của việc sử dụng điển cố, điển tích?***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Làm việc theo các bước hướng dẫn ở trên.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  **\* Bài tập 1**: Hs lên bảng ghi kết quả.  **\* Bài tập 2:**  **- Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm:**  **+ Cách thức: mỗi nhóm trình bày 1 nội dung. Gv hỗ trợ: Chụp ảnh nội dung thảo luận của nhóm, chiếu trên màn hình.**  **- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.**  **\* DỰ KIẾN SẢN PHẨM:**  **- Bài 1: a – 2; b – 3; c – 4; d – 1**  **- Bài 2: a) Bể dâu: T**rong câu chuyện ông Vương Phương Bình tu tiên học đạo, khi đắc đạo, Phương Bình giáng xuống nhà Thái Kinh, cho sứ giả mời tiên nữ Ma Cô đến để hỏi về thời gian cách biệt. Ma Cô tiên nữ trả lời rằng: “Từ khi biết ông đến nay, đã thấy ba lần biển xanh biến thành ruộng dâu”. Mượn từ thành ngữ “thương hải biến vi tang điền” của Trung Hoa, người Việt đã chuyển dịch và rút gọn thành nhiều biến thể khác nhau (như “dâu bể”, “biển dâu”, “bãi bể nương dâu”, “cồn dâu hóa bể”…) để chỉ những thay đổi lớn lao trong cuộc đời.  **b) Mắt xanh**: Nguyễn Tịch, người đời nhà Tấn, là người rất ưa rượu và đàn. Làm quan rồi cáo bịnh về nhà. Nguyễn Tịch lại có một thái độ lạ lùng. Khi tiếp khách hễ là hạng quân tử, là hạng người vừa lòng mình thì Nguyễn Tịch nhìn thẳng bằng tròng mắt xanh; trái lại khách là kẻ tầm thường, người không vừa lòng mình thì ông nhìn bằng đôi tròng trắng. Do điển tích đó, sau này người ta dùng chữ "Mắt xanh" để chỉ sự bằng lòng, vừa ý.  \* Tác dụng của điển cố, điển tích: Làm cho lời thơ cô đọng, hàm súc, mang tính bác học.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang phần tiếp theo. | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  **- Bài tập 3- SGK:**    - Tìm thêm ít nhất 2 điển cố, 2 điển tích (trong các tác phẩm đã học): Nêu nguồn gốc, ý nghĩa.  - Nộp sản phẩm bằng giấy kiểm tra hoặc trên phần mềm Padlet.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và lên kế hoạch làm bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS** nộp sản phẩm cho GV theo hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài sau. | |

Ngày soạn: TUẦN 7 TIẾT 22, 23

13 - 10 – 24

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

* ***Nguyễn Du –***

** **

**I. MỤC TIÊU**

***1 Về kiến thức:***

- Qua tâm trạng buồn tủi, cô đơn và nỗi niềm thương nhớ của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, cảm nhận tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng.

- Thấy được nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật của Nguyễn Du: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình và ngôn ngữ độc thoại trong văn bản.

***2 Về năng lực:***

- Đọc- hiểu, phân tích văn bản truyện thơ trung đại

- Phân tích tác dụng của ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong bài

- Phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích.

- Năng lực xác định giá trị, năng lực lắng nghe tích cực, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

***3 Về phẩm chất:***

***-*** Căm phẫn khinh bỉ bọn buôn thịt bán người, đau đớn xót xa trước cảnh con người bị chà đạp.

- HS biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh minh họa về tác phẩm “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Hoạt động mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài

**b) Nội dung:** Thực hiện yêu cầu GV đưa ra

- GV: Cho HS tham gia hoạt động “Ô cửa bí mật” và trả lời câu hỏi: “Qua bức tranh trên em hãy cho biết Kiều đang ở đâu?”

**c) Sản phẩm:** HS trình bày được đúng yêu cầu của giáo viên.

- HS: HS trình bày trước lớp đáp án của mình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Viết ra giấy

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- GV dẫn dắt: ***Gia đình gặp tai hoạ,*** ***Kiều phải bán mình cứu cha và em. Tưởng là bán mình làm vợ lẽ không ngờ bị Mã Giám Sinh, Sở Khanh lừa gạt bán vào lầu xanh.Ở đó Tú Bà bắt nàng tiếp khách làng chơi Kiều nhất quyết không chịu nên đã bị Tú Bà mắng nhiếc, đánh đập; đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định tự vẫn. Tú Bà sợ Kiều chết thì mất cả chì lẫn chài nên tìm cách xoa dịu, lập kế đưa Kiều ra ở tạm lầu Ngưng Bích để chờ dịp tìm người đứng đắn sẽ gả cho nhưng thực chất là bày mưu nham hiểm, giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn. Đoạn trích: “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh tâm tình đầy xúc động. Đoạn trích giúp ta cảm nhận được tấm lòng chung thuỷ với người yêu và tấm lòng hiếu thảo của nàng đối với cha mẹ thật sâu sắc. Đồng thời cho ta thấy được bút pháp tả cảnh ngụ tình bậc thầy của Nguyễn Du.***

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| **Hoạt động 1: Tác giả, tác phẩm**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - HS nhắc lại kiến thức về tác giả.  - Nắm được những nét chung của văn bản (Vị trí, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập cho HS làm việc nhóm  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc và yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  Hướng dẫn HS hoàn thành phiếu học tập  Hướng dẫn HS tham gia hoạt động “Ai nhanh hơn?” điền các từ còn thiếu để hoàn thiện văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc nhóm 4 phút  HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào phiếu học tập.  - HS làm việc theo nhóm để hoàn thiện văn bản và tìm ra nhóm dành chiến thắng  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | 1. Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng, truyền cảm.  2. Tìm hiểu chi tiết  \* **Vị trí**: Đoạn trích nằm ở phần thứ 2( Gia biến và lưu lạc)  Gồm 22 câu(từ câu 1033 đến câu 1054) sau đoạn Mã Giám Sinh lừa Thúy Kiều. Kiều bị nhốt ở lầu xanh nàng định tự vẫn Tú Bà giả vờ hứa hẹn đợi Kiều bình phục sẽ gả chồng cho nàng vào nơi tử tế, rồi đưa Kiều giam lỏng ở lầu Ngưng Bích  **\* Bố cục Gồm 3 phần:**  Phần 1(6 câu đầu): Hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của nàng Kiều ở lầu Ngưng Bích  Phần 2 (8 câu tiếp): Nỗi thương nhớ cha mẹ và người yêu  Phần 3 (8 câu cuối): Tâm trạng buồn đau lo âu tuyệt vọng của Kiều.  **\*Nhân vật:** Thúy Kiều  **\* Sự việc được kể:** Miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của nàng |
| **II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN** | |
| **1. Khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng của Thúy Kiều (6 câu đầu).** | |
| **Hoạt động 2: Hướng dẫn HS phân tích**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS  **-** HS cảm nhận được được tâm trạng của Thuý Kiều qua khung cảnh thiên nhiên ở lầu Ngưng Bích.  **-** Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật  **b) Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn cho HS thảo luận, kĩ thuật đặt câu hỏi ,sử dụng phiếu học tập cho HS làm việc nhóm  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn nếu cần  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm (Kĩ thuật khăn trải bàn):      GV đưa ra cho HS một số câu ca dao thể hiện tâm trạng của con người qua không gian và thời gian.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS: 2 phút làm việc cá nhân, 4 phút làm việc nhóm  GV theo dõi, hỗ trợ cho HS  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  +GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  GV nhận xét, bổ sung  - Không gian: được miêu tả qua cái nhìn của Thúy Kiều.  + Đặc điểm: bát ngát, núi xa, cát vàng, trăng lạnh, cồn cát nối tiếp nhau, mù mịt trong bụi hồng.  -> Không gian mênh mông, hoang vắng, rợn ngợp không có bóng người, cảnh vật trơ trọi-> lầu Ngưng Bích chơ vơ,giam hãm một thân phận đơn độc, nhỏ bé.  + Nghệ thuật: phép đối(cồn nọ- dặm kia)-> mở không gian ra nhiều phía ( chiều cao, rộng,và chiều xa)  ***“ Bẽ bàng*** *mây sớm đèn khuya*  *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”  - Thời gian: dằng dặc từ sáng tới khuya,  nàng chỉ biết làm bạn với mây buổi sớm, đèn buổi khuya, hết sáng lại tối - > gợi thời gian tuần hoàn khép kín trôi đi đơn điệu.  -> Kiều cô đơn tuyệt đối từ sớm tới khuya trong không gian lạnh lẽo hoang vắng .  =>Thuý Kiều trong tâm trạng bẽ bàng,cô đơn, buồn tủi, xấu hổ đối diện với mây sớm, đèn khuya nàng càng thêm thấm thía cái "bẽ bàng"của thân phận .Cảnh ấy, tình ấy làm lòng Kiều tan nát.  - NT: Tả cảnh ngụ tình.  => Càng gợi cho nàng nhớ đến cha mẹ và người yêu trong sự thất vọng đến sợ hãi.Ngoài ra, tác giả còn dùng nghệ thuật liệt kê, phép đối lập làm cho cảnh vật hiện ra bốn bề bát ngát mênh mông đối lập với lòng người cô đơn trống vắng nơi xứ người. | \* Khung cảnh thiên nhiên  - Không gian: non xa, trăng gần, bốn bề bát ngát, cồn cát, dặm đường ...  Không gian mở ra cả ba chiều: Chiều rộng, chiều cao, chiều sâu  Không gian tự nhiên mênh mông, trống trải, hoang vắng, rợn ngợp ...  - Thời gian: dằng dặc từ sáng tới khuya gợi thời gian tuần hoàn khép kín trôi đi đơn điệu.    NT tả cảnh ngụ tình.  \* Tâm trạng của Kiều  - Đảo ngữ đưa từ láy “Bẽ bàng” lên đầu=> Từ láy có sức gợi cảm lớn. Nhấn mạnh cảm giác tủi hổ, đau đớn, xót xa trong cảnh ngộ sa chân vào chốn lầu xanh.  - Cụm từ “mây sớm đèn khuya”  + Sớm – làm bạn với mây  + Khuya – trò chuyện với đèn.  => Gợi cảnh con người bị giam hãm tù túng trong vòng tuần hoàn khép kín của thời gian  - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + Tiểu đối: “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”  => Nỗi cô đơn, buồn tủi, đau khổ, tuyệt vọng của nàng Kiều trước cảnh lầu Ngưng Bích. |
| **2. Nỗi nhớ của Thúy Kiều (8 câu tiếp)** | |
| **Hoạt động 3: Hướng dẫn HS phân tích**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS cảm nhận được nỗi nhớ Kim Trọng và cha mẹ của Thuý Kiều. Từ đó thấy được tâm trạng của nàng qua việc sử dụng ngôn từ, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản.  **b) Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi, sử dụng phiếu học tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS  HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, làm phiếu bài tập.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**yêu cầu HS xem video, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập  GV đặt câu hỏi:  ?Thúy Kiều lần lượt nhớ tới ai? Theo em trình tự nỗi nhớ ấy có hợp lý không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ, thảo luận hoàn thành phiếu học tập. Mỗi nhóm là một dãy bàn:1 câu hỏi .    **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày. GV nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án.  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  -Xót: Kiều thương xót cha mẹ ngày đêm tựa cửa ngóng chờ con mà vẫn bặt vô âm tín.  -NT: sử dụng thành ngữ ***“Quạt nồng ấp lạnh”,*** điển cố, điển tích***: “Sân lai gốc tử”***.  => Khắc hoạ tâm trạng nhớ thương và tấm lòng hiếu thảo của nàng: Lo lắng cha mẹ già yếu ở nhà không có ai phụng dưỡng chăm sóc.  - Hình ảnh: ***“Cách mấy nắng mưa”***  + Sự xa cách vời vợi, sự tàn phá của nắng mưa đối với cảnh vật -> cảnh quê nhà đã thay đổi.  + Cha mẹ nàng ngày một già yếu.  ->Kiều càng thấy xót xa cho cha mẹ.  **KL:** Quên đi cảnh ngộ của mình để nghĩ cho Kim Trọng và cha mẹ, Thuý Kiều là người thuỷ chung, hiếu thảo, có lòng vị tha đáng trân trọng.  - GV: Cảm nhận của em về nhân vật Thúy Kiều?  Thúy Kiều là người tình chung thủy, là người con hiếu thảo, luôn nghĩ và sống cho người khác, là người có tấm lòng vị tha đáng trân trọng.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | **\*** Nỗinhớ về Kim Trọng  - Khi nghĩ về Kim Trọng, nàng  nhớ đến lời thề đôi lứa.  -Tưởng: Hình dung Kim Trọng đang ở trước mặt mình, đang trò chuyện với mình  Nàng tưởng tượng Kim Trọng đang mong nhớ, ngóng trông tin tức của mình trong vô vọng: *"tin sương...mai chờ"*  - “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*” có thể hiểu theo 2 cách:  + Nhớ thương Kim Trọng không bao giờ quên.  + Tấm son trong trắng của Kiều bị hoen ố, không gột rửa được.  => Kiều day dứt, sầu khổ.  => Lời thơ ít, ý thơ nhiều => ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  \*Nỗi nhớ cha mẹ  (Đau xót, lo lắng, nhớ nhung)  - Thành ngữ “*quạt nồng ấp lạnh*”  + Điển tích “*Sân Lai*”  🡪 Gợi nhắc tấm gương những người con hiếu thảo  🡺 Băn khoăn, lo lắng, không biết ai sẽ chăm sóc cha mẹ, tự trách mình không trọn đạo  + Điển cố “*gốc tử*” = gốc cây thị 🡪 Nhớ quê hương (giống nước ta dùng hình ảnh lũy tre)  - “*Cách mấy nắng mưa*” - ẩn dụ: vừa nói thời gian, vừa gợi không gian: xa cách, tưởng tượng ra sự thay đổi của quê nhà.  Ngôn ngữ độc thoại  -Với Kim Trọng: đau đớn, xót xa của một người chung thủy, trọn tình. Người tình chung thuỷ  - Với cha mẹ: xót thương da diết, day dứt khôn nguôi Người con hiếu thảo.  Nhân vật hiện lên là người trọng tình, trọng nghĩa, đáng quý trọng. |
| **3. Tâm trạng buồn, lo âu của Thúy Kiều (8 câu cuối)** | |
| **NV2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV** yêu cầu: HS đọc tám câu thơ cuối.  **- GV**đặt câu hỏi.  ? Phân tích những nghệ thuật đặc sắc trong 8 câu thơ cuối?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh suy nghĩ tìm ra câu trả lời theo nhóm bàn.  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời. GV nhận xét, bổ sung  - Đây là bức tranh tả cảnh ngụ tình. Mỗi cảnh trong bức tranh đều có điểm chung: tả nỗi buồn của một tâm trạng cô đơn, buồn tủi.  - Tuy nhiên mỗi cặp câu -> một nỗi nhớ, nỗi buồn  +) “Thuyền... thấp thoáng... xa xa” -> thân phận bơ vơ nơi đất khách, nhớ đến quê hương, cha mẹ, người yêu gợi lên từ cảnh chiều tà bên bờ biển.  +) “Cánh hoa trôi... biết là về đâu” -> số phận chìm nổi long đong vô định, không biết đi dâu về đâu.  +) “Ngọn cỏ dầu dầu”“Chân mây mặt đất “xanh xanh”-> héo úa, mịt mờ.  -> Nỗi đau tê tái trong lòng.  +) Tiếng gió, tiếng sóng kêu quanh “ghế ngồi” -> âm thanh dữ dội -> biểu tượng tai hoạ khủng khiếp sắp giáng xuống -> nỗi lo sợ hãi hùng.  **TL:** Tâm trạng cô đơn,thân phận vô định,nỗi buồn tha hương,nỗi nhớ ng yêu và cha mẹ cùng sự bàng hoàng lo sợ. hãi hùng, bế tắc, tuyệt vọng, và cũng báo trước một duyên phận sẽ bị xô đẩy vùi dập không biết rồi sẽ đi đâu về đâu.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuẩn đáp án. | -Điệp ngữ “Buồn trông”  - NT ẩn dụ, từ láy, từ t­ượng thanh  => Tạo âm h­ưởng trầm, buồn. Nâng mức cảm xúc của Kiều lên nhiều tầng ý nghĩa.  - Đối: Cửa biển >< Con thuyền  (Đặt cái nhỏ bé, đơn lẻ trên nền hông gia rộng lớn)  🡪Tâm trạng cô đơn, lẻ loi của Kiều  - “Cánh buồm xa xa”: thân phận bơ vơ, trôi nổi nơi đất khách quê người  => Nỗi buồn da diết nhớ về quê nhà xa cách của Kiều. (Nỗi buồn tha h­ương)  - “Hoa trôi”:  => Hình ảnh ẩn dụ: nỗi buồn về số phận “bọt bèo” lênh đênh, vô định.  Câu hỏi tu từ + “về đâu”  =>Nỗi niềm băn khoăn, day dứt của Kiều về số phận của mình, như đóa hoa bé nhỏ kia không biết đi về đâu giữa dòng đời vô định  - “rầu rầu” và “xanh xanh”:  => Từ láy: Nỗi bi thương, vô vọng, lụi tàn, héo úa kéo dài không biết đến bao giờ.  => Tương lai mịt mờ không lối thoát, thân phận bé nhỏ không biết đi về đâu.  - “Gió cuốn mặt duyềnh”: Dữ dội, bão tố  - “Ầm ầm”: Từ tượng thanh chỉ tâm trạng hãi hùng, lo sợ tr­ước giông bão của số phận sẽ đến xô đẩy và vùi dập cuộc đời Kiều.  - “Kêu quanh ghế ngồi”: Thiên nhiên dữ dội , đầy sức mạnh đang bủa vây lấy Kiều 🡪 Lo sợ,bàng hoàng về những song gió sắp ập đến 🡪 Nhạy cảm  => Với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ liên hoàn cùng với những từ ngữ, hình ảnh chọn lọc tinh tế, phép đối, ẩn dụ, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, tác giả đã xây dựng một bức tranh tâm trạng đặc sắc, nỗi buồn đau của Kiều như lan tỏa sang cảnh vật đã xâm chiếm lòng nàng. |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Hoạt động 4: Hướng dẫn tổng kết**  **a) Mục tiêu:** Học sinh biết cách tổng kết nội dung kiến thức bài học.  **b) Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ, trả lời ra giấy nháp.  **c) Sản phẩm:** Đáp án của HS  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  **- GV:**Nêu nội dung và ý nghĩa văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**   -HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.  **-Bước 4: Kết luận, nhận định:**   Giáo viên nhận xét, đánh giá  - HS đọc ghi nhớ trong  sgk. | **1.Nghệ thuật**  - Miêu tả nội tâm bằng ngôn ngữ độc thoại  - Tả cảnh ngụ tình  - Thành ngữ, điển cố, điệp ngữ, từ láy, ẩn dụ, từ tượng thanh biểu cảm.  **2. Nội dung:**  - Cảnh ngộ cô đơn buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Kiều. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Hs hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS trả lời các câu hỏi

**c) Sản phẩm:** Trả lời các câu hỏi của GV

**d) Tổ chức thực hiện:**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

***b) Nội dung:*** HS tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép” .

***c) Sản phẩm:*** Khám phá được nhân vật lịch sử bên trong các mảnh ghép

***d) Tổ chức thực hiện***

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV:**Yêu cầu HS đọc rõ luật chơi

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Học sinh suy nghĩ trả lời 5 câu hỏi tương ứng với 5 mảnh ghép

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS trình bày kiết quả.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**HS phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Nội dung:**GV tổ chức cho HS làm các bài tập

**c) Sản phẩm:**Đáp án của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy trình bày những phẩm chất xưa và nay của người phụ nữ Việt Nam ?

Theo em phẩm chất nào là quan trọng nhất? Vì sao?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Học sinh thảo luận, suy nghĩ tìm ra câu trả lời và ghi ra giấy nháp.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đứng tại chỗ trình bày miệng, HS khác nhận xét đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

 Giáo viên nhận xét, đánh giá

* Hướng dẫn học bài và chuẩn bị bài sau:
* Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học
* Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.
* Đọc và chuẩn bị bài: Viết:“Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học”

Ngày soạn: TUẦN 7 TIẾT 24, 25, 26

13 - 10 - 24

**VIẾT**

**PHÂN TÍCH MỘT ĐOẠN TRÍCH TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Yêu cầu cần đạt:**

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học, đối tượng là một đoạn trích gắn liền với đối tượng thơ Nôm, đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.

**2. Năng lực:**

- Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để phân tích được một tác phẩm thơ: nêu được chủ đề; dẫn và phân tích được một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.

- Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ.

- Biết thể hiện được những ấn tượng, suy nghĩ và tình cảm sâu sắc về các yếu tố nội dung hay đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ.

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa đoạn văn đã viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

**3. Về phẩm chất:**

- Biết trân trọng những giá trị văn học, có thêm góc nhìn, cảm xúc mới về các văn bản văn học.

- Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, bài trình bày của HS.

2. Học liệu: SGK, sách tham khảo, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**2. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**:  - *Nêu tên một tác phẩm truyện thơ Nôm mà em yêu thích (trong SGK hoặc ngoài SGK). Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  2. *Sau khi đọc hiểu một tác phẩm truyện thơ Nôm bài thơ, chúng ta cần lưu ý những điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**  HS nhận xét phần phát biểu của bạn.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV đặt ra vấn đề của bài học: *Làm thế nào để viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn? Tiết học hôm nay cô trò ta cùng tìm hiểu.* | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác.  \* **Để viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn (ở đây là truyện thơ Nôm:** *Truyện Kiều* hoặc *Truyện Lục Vân Tiên*), các em cần chú ý:  - Đọc kĩ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.  - Xác định nội dung và các yếu thố hình thức nổi bật. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.  - Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.  - Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của các tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích một đoạn trích gắn với truyện thơ Nôm.

**2. Nội dung**: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một đoạn trích trong một truyện thơ Nôm.**  **( Sử dụng kĩ thuật KWL-PT năng lực tự học của HS**)  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**  **Lớp 8 (Bài 7, em đã học cách viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ), Vậy em biết gì về phân tích một tác phẩm thơ?**  **?SGK Ngữ Văn 9 tập 1 trang 48, chú ý điều gì khi viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm lớn (ở đây là truyện thơ Nôm)**  **? Ở dạng bài: Viết bài văn phân tích đoạn trích từ một tác phẩm truyện thơ Nôm em muốn biết điều gì?**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, dựa vào phần chuẩn bị ở nhà trả lời những điều đã biết và muốn biết.  - GV quan sát, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi HS phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên nhận xét, khích lệ, bổ sung. | **1. Định hướng**  **1.1. Khái niệm**  (**Nộp phiếu học tập đã làm ở nhà)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K | W | L | | - Phân tích một tác phẩm thơ là chỉ ra và làm rõ những điểm nổi bật (thành công, có thể cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.  - Người viết cũng có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, nêu những nhận xét riêng của bản thân về tác phẩm.  - Tác phẩm thơ có thể là bài thơ hoặc tập thơ.  - Đọc kĩ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.  - Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.  - Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.  - Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của các tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. | - Các bước làm dạng bài viết bài văn phân tích một đoạn trích từ một tác phẩm truyện thơ Nôm.  + Cách tìm ý, lập dàn ý.  + Kỹ năng viết bài |  |   **1.2. Điều cần chú ý**  - Đọc kĩ tác phẩm, chú ý xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật.  - Chỉ ra giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm, nhất là các sáng tạo độc đáo của người viết.  - Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ bài thơ cho mỗi luận điểm.  - Liên hệ, so sánh với các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề, thể loại để làm sáng tỏ thêm giá trị của bài thơ được phân tích.  - Suy nghĩ, nhận xét về những thành công và hạn chế (nếu có) của bài thơ, về giá trị, sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như bản thân em. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**

**1. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao:

- HS xác định được mục đích của bài viết phân tích một đoạn thơ trong tác phẩm truyện thơ Nôm. Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Viết được một bài văn phân tích đoạn trích trong tác phẩm truyện thơ Nôm.

**2. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**GV kiểm tra việc thực hiện phiếu học tập 01,02 ở nhà của HS (đã giao từ tiết trước)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập 01: Chuẩn bị**  Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài: **Bài tập:**[**Phân tích đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)**](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/phan-tich-doan-trich-kieu-o-lau-ngung-bich.jsp) | |
| - Dạng bài cần triển khai là gì? | ........................................................... |
| Xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* về truyện thơ Nôm, nội dung đọc hiểu văn bản *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, chú ý xuất xứ để biết nội dung câu chuyện trước và sau của đoạn trích. | ...........................................................  ........................................................... |
| - Xác định nội dung và hình thức nghệ thuật nổi bật nhất của văn bản (chú ý đặc điểm thơ lục bát trong tác phẩm *Truyện Kiều*). | ...........................................................  ........................................................... |
| Em dự định sẽ dùng những bằng chứng nào cho bài viết? | ...........................................................  ........................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 02- PHIẾU TÌM Ý**  **Tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời câu hỏi** | |
| **Định hướng** | **Dự kiến** |
| 1. + Nội dung chính của đoạn trích là gì? | - Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung,… |
| 2. + Nghệ thuật của đoạn trích có gì đặc sắc? | - Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...) |
| 3. Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy đã làm thay đổi nội dung của đoạn trích như thế nào? | Tác dụng: thể hiện nội dung: |
| 4. Qua đoạn trích, Nguyễn Du đã thể hiện được tấm lòng (chữ *tâm*) và tài năng (chữ *tài*) như thế nào? | => Thông qua hình ảnh cô đơn, nỗi buồn chua xót, lo sợ vô vọng, sự nhớ thương gia đình của kiều. Tác giả đã bày tỏ sự cảm thương,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Phiếu lập dàn ý**  **(Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần)** | |
| **Mở bài** | - Giới thiệu khái quát về “*Truyện Kiều”* và đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích”*. |
| **Thân bài** | + Nêu tóm tắt bối cảnh câu chuyện trước đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và chủ đề, âm hưởng bao trùm đoạn trích này.  + Phân tích khung cảnh gợi nỗi nhớ của Thuý Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.  + Phân tích nỗi nhớ thương của Thuý Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả độc thoại nội tâm nhân vật.  + Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua tám dòng thơ cuối. Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ,… |
| **Kết bài** | - Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích.* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn HS thực hành về kiểu bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  (1*)* Em cần chuẩn bị những nội dung gì cho việc viết bài văn phân tích bài thơ“*Vịnh khoa thi Hương*” của Trần Tế Xương  GV chiếu **PHIẾU HỌC TẬP 01** để HS theo dõi và thực hiện những nội dung cần chuẩn bị trước khi viết (nội dung này đã chuẩn bị ở nhà)   * HS trao đổi theo **hình thức cặp đôi**   *(2) Hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*  GV chiếu **PHIẾU HỌC TẬP 02,** cho HS cùng thống nhất **thảo luận nhóm** trong 5 phút sau đó cử đại diện trình bày.  *(3)Với các ý đã tìm được hãy sắp xếp, xây dựng dàn ý phù hợp:* Phiếu học tập 03- **cặp đôi**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Thảo luận nhóm thống nhất nội dung phiếu học tập.  **GV** quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV yêu cầu đại diện các nhóm học sinh trình bày theo kĩ thuật công đoạn:  **+** Kết quả bước chuẩn bị  **+** Kết quả tìm ý  **+** Lập dàn ý  - Đại diện các nhóm trả lời và bổ sung cho nhau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV)**  - Nhận xét, đánh giá thái độ làm việc của HS, dẫn vào bài. | **2. Thực hành**  **2.1. Thực hành viết theo các bước**  **Đề bài:** [**Phân tích đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)**](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/phan-tich-doan-trich-kieu-o-lau-ngung-bich.jsp)  **a. Bước 1: Chuẩn bị:** Xác định yêu cầu của đề bài.  - Kiểu bài: nghị luận (về tác phẩm thơ)  - Vấn đề nghị luận:  [**Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)**](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/phan-tich-doan-trich-kieu-o-lau-ngung-bich.jsp)  - Về nội dung bài viết: làm rõ đặc sắc về nội dung (chủ đề) và nghệ thuật của đoạn thơ. Nêu được cảm nhận của bản thân về đoạn thơ.  - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng dẫn chứng trong đoạn thơ và các tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du.  **b.** **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Tìm ý:**  ***\* Lập dàn ý:***  - Nội dung chính: Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  - Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích: Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...); Ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ “buồn trông”… kết hợp với các hình ảnh đứng sau diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau.  - Các yếu tố hình thức nghệ thuật ấy nhằm thể hiện tâm trạng buồn đau, cô đơn hiu quạnh trước khung cảnh thiên nhiên cùng bao nỗi nhớ ùa về trong lòng Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  - Thông qua hình ảnh cô đơn, nỗi buồn chua xót, lo sợ vô vọng, sự nhớ thương gia đình của Kiều. Tác giả đã bày tỏ sự cảm thương, đau xót đối với số phận nghiệt ngã của Kiều hay chính là số phận của những người phụ nữ phong kiến. Đồng thời tác giả ngợi ca tấm lòng thủy chung son sắt, nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam. |

**\* Lập dàn ý: *Lập dàn ý cho bài viết bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần: (Phiếu học tập số 03)***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03: Phiếu lập dàn ý**  **(Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục ba phần)** | |
| **Mở bài** | - **Giới thiệu tác giả** :Nguyễn Du - Đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người có “*con mắt nhìn thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời*”  - **Giới thiệu tác phẩm “Truyện Kiều” và đoạn trích** : “*Truyện Kiều*” là tác phẩm thành công nhất của ông; đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” được trích từ “*Truyện Kiều*” diễn tả tinh tế, sâu sắc tâm trạng của Thúy Kiều trước cảnh vật.  **- Ý kiến chung về đoạn trích**: Đoạn trích “*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” thuộc vào phần hai “*Gia biến và lưu lạc*”. Trích đoạn là khúc tâm tình đầy xúc động của cô gái trẻ lần đầu bước ra khỏi chốn “*êm đềm trướng rủ màn che*”. Với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, đoạn thơ như bản đàn nhiều cung bậc tâm trạng của nàng. Đó là nỗi cô đơn, buồn tủi, là tấm lòng thủy chung, hiếu thảo nàng dành cho người yêu và cha mẹ. |
| **Thân bài** | **1. Nội dung chính của đoạn trích.**  **-** Dù đang miêu tả bức tranh tâm cảnh, là cảm xúc chủ đạo nhưng lí trí của nhà thơ vẫn sáng suốt khi xây dựng một kết cấu khá khoa học và chặt chẽ. Phần đầu là quang cảnh ở lầu Ngưng Bích; phần hai, trong nỗi nhớ nhung, cô đơn, sầu tủi, nàng nhớ về Kim Trọng và cha mẹ; và phần cuối là tâm trạng đau khổ khi nghĩ đến tương lai nhiều tai ương, sóng gió sẽ ập đến trong cuộc đời nàng  **2. Phân tích đoạn trích:**  **a. Luận điểm 1: Bức tranh khung cảnh ở Lầu Ngưng Bích.**  - Quang cảnh trong những vần thơ đầu đem đến cảm giác hoang vu, vắng lặng đến buồn thảm. Đứng trên lầu cao, nhìn ra phía xa là những dãy núi, nhìn lên cao là vầng trăng cô đơn giữa trời. Bốn bề xung quanh cũng chỉ là cồn cát bay mịt mù. Tất cả như tô đậm thêm nỗi quạnh vắng, cô quạnh đang xâm lấn trong tâm hồn nàng.  *Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân* *Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung* *Bốn bề bát ngát xa trông* *Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia*  Cảnh buồn khiến lòng người thêm lẻ loi, hiu quạnh hay lòng người vốn nặng trĩu ưu tư nên nỗi sầu muộn như lan tỏa, thấm đẫm vào cảnh vật:  *Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,* *Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.*  Một từ láy “*bẽ bàng*” nhưng đã diễn tả được thật chân xác nỗi lòng nàng Thúy Kiều. Đó hẳn là tâm trạng vừa buồn tủi, vừa ngượng ngùng, vừa ê chề, vừa cay đắng, xót xa. Và chính tâm trạng ấy bắt gặp cảnh vật ngoài kia đã làm cõi lòng như càng thêm quặn thắt. Thiên nhiên không còn là những sự vật vô tri, vô giác nữa mà như sống động, có hồn bởi nó là tấm gương phản chiếu tâm trạng cô đơn, sầu tủi của nàng Kiều.  **a. Luận điểm 2: Bức tranh tâm trạng.**  - Từ trong nỗi cô đơn, phiền muộn, nàng hướng về quê hương, gia đình, những người thân quý. Nỗi nhớ đầu tiên, nàng dành cho Kim Trọng. Có lẽ bởi trước đó nàng bán mình chuộc cha để làm tròn chữ hiếu với cha mẹ, chỉ có chữ duyên với Kim Trọng, nàng phải trao lại cho em, nên hẳn trong lòng còn nhiều băn khoăn, day dứt khi để duyên ai phải lỡ làng.  *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng.* *Tin sương luống những rày trông mai chờ.* *Bên trời góc bể bơ vơ,* *Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*  Nhịp thơ như nhịp trái tim yêu đang thổn thức, rỉ máu. Nỗi nhớ ấy thật thiết tha, nồng cháy. Nỗi nhớ trào lên khiến hình ảnh đêm thề nguyền, đính ước hiện ra chân thật, sống động ngay trước mắt nàng. Đó là hiệu quả diễn đạt vượt trội của từ “tưởng” mà Nguyễn Du đã khéo léo sử dụng trong những vần thơ đầu tiên diễn tả nỗi nhớ của nàng Kiều. Mới hôm nào, lứa đôi cùng thề nguyền, hẹn ước dưới trăng, vầng trăng còn đó mà giờ đây đã đôi người đôi ngả. Nàng tưởng tượng chàng Kim vẫn ngày ngóng đêm trông tin nàng trong đau khổ, tuyệt vọng. Nghĩ đến chàng, rồi lại nghĩ đến thân phận của mình, bơ vơ, lưu lạc nơi chân trời góc bể, đất khách quê người, biết bao giờ tấm lòng son sắt, chung thủy của nàng dành cho chàng Kim phai nhạt đi thì lúc ấy, có lẽ nàng mới bớt đau khổ, dằn vặt.  *Xót người tựa cửa hôm mai* *Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ* *Sân lai cách mấy nắng mưa* *Có khi gốc tử đã vừa người ôm*  - Sau nỗi nhớ người yêu đến quặn thắt, nàng càng xót xa khi nghĩ về cha mẹ. Không xót xa sao nổi khi nghĩ đến cảnh cha già, mẹ héo tựa cửa nhìn xa, ngóng trông tin con mòn mỏi. Rồi khi trời oi nóng, biết ai quạt mát cho cha mẹ yên giấc, khi trời giá lạnh, biết ai ấp ủ chăn ấm cho cha mẹ nằm. Các thành ngữ và điển cố “*tựa cửa hôm mai”, “quạt nồng ấp lạnh”, “sân lai”, “gốc tử”* để thể hiện nỗi xót xa, lo lắng, bồn chồn của người con có hiếu dù đang trong hoàn cảnh éo le, vẫn đau đáu nghĩ về cha mẹ trong niềm nhớ thương khôn nguôi.  Nỗi nhớ đầy vơi nàng dành cho những người thân yêu nhất, rồi nàng lại quay về với cảnh ngộ của chính mình. Mỗi cảnh vật đang hiện hữu trước mắt đều như khơi lên trong lòng nàng một nỗi buồn thê lương. Nỗi buồn ấy càng lúc càng nhấn chìm nàng xuống đáy sâu của vực thẳm đau khổ.  *Buồn trông cửa bể chiều hôm,* *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?* *Buồn trông ngọn nước mới sa* *Hoa trôi man mác biết là về đâu?* *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,* *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.* *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,* *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*  - Bằng lối điệp ngữ liên hoàn “*Buồn trông*”, khổ thơ cuối như bức tranh cảnh buồn không hoang vắng, cô liêu như ban đầu mà nó như tiềm ẩn dự cảm đầy sợ hãi về một tương lai mịt mù, sóng gió, tai họa. Hướng tầm mắt ra xa muôn dặm, tới cửa biển lúc hoàng hôn, có cánh buồm của ai đó nhưng chỉ “*thấp thoáng*” mờ mịt, xa xôi. Cánh buồm ẩn hiện trong bóng chiều giữa mịt mù khói sóng chiều hôm như là hình ảnh con người cô đơn giữa biển đời, lữ thứ, nhiều sóng gió, ba đào. Cùng với nỗi nồi ấy, nàng hướng nhìn tới ngọn nước mới “*sa*”, mới đổ xuống, một cánh hoa rụng, mỏng manh, yếu đuối bị sóng gió đưa đẩy dập dồn, không biết sẽ trôi dạt về phương nào. Hình ảnh cánh hoa rụng, trôi dạt theo con con nước dữ hay là hình ảnh người con gái bị quăng vào cuộc đời khi còn quá trẻ, quá yếu đuối. Rồi nội cỏ cũng nhuốm màu xanh “*rầu rầu*” ảm đạm, u buồn, héo hắt trải dài ra mênh mông, rợn ngợp đến hòa sắc xanh ấy vào sắc của mây trời. Màu không gian hay màu tâm trạng đang hắt hiu, tàn lụi, hết khát khao, hi vọng sống. Những cơn gió thủy triều trào lên mặt biển, tiếng sóng vỗ từ xa bỗng vang dội lên ầm ầm như ập đến “*kêu quanh ghế ngồi*”. Tiếng sóng gió ngoài biển xa mà đổ dội vào chân nàng thì có lẽ nỗi sợ hãi, lo lắng về thân phận, cuộc đời mình không còn là nỗi lo lắng mơ hồ, nỗi buồn quạnh vắng mênh mang nữa mà nó đã biến thành nỗi kinh hoàng khiến tâm hồn nàng hoảng loạn. Tiếng sóng gầm lên “*ầm ầm*” như muốn nhấn chìm con thuyền lẻ loi, nuốt chửng cánh hoa mỏng manh, bé nhỏ, muốn cuốn phăng đi nội cỏ, và dập vùi nàng xuống tận đáy sâu đau khổ, tuyệt vọng.  Mỗi vần thơ là một giọt tâm hồn nhà thơ nhỏ xuống để cảm thương cho số phận người con gái tài hoa, bạc mệnh Thúy Kiều. Cùng với đó, là tài năng nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) Nguyễn Du đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  **3.** **Đánh giá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**  **- Về nghệ thuật:** Mỗi vần thơ là một giọt tâm hồn nhà thơ nhỏ xuống để cảm thương cho số phận người con gái tài hoa, bạc mệnh Thúy Kiều. Cùng với đó, là tài năng nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) Nguyễn Du đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  **- Về nội dung:** Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.  **4. Mở rộng- liên hệ:** |
| **Kết bài** | - Có lẽ người đọc sẽ còn khắc ghi mãi ấn tượng về bức tranh ngoại cảnh đồng điệu cùng bức tranh tâm cảnh. Tất cả được vẽ nên bởi một tài năng trác việt, một tấm lòng nhân văn cao đẹp của Nguyễn Du. Vì thế, đoạn trích đã góp phần làm nên sức sống bất tử của kiệt tác “*Truyện Kiều*”. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hướng dẫn viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS trên cơ sở dàn ý đã lập thực hành viết với các yêu cầu khác nhau:  + Viết đoạn văn mở bài.  + Viết đoạn kết bài.  + Viết đoạn văn phát triển một ý ở thân bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hành viết đoạn văn theo yêu cầu với kĩ thuật công đoạn.  - GV quan sát hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày kết quả, đánh giá bổ sung cho nhau.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  GV cho HS đánh giá bài văn theo bảng kiểm đánh giá và cho HS tham khảo một số đoạn văn. | **c. Hướng dẫn viết bài**  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Yêu cầu chung khi viết bài:  + Phần *Mở bài* và phần *Kết bài:* mỗi phần viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh.  + Phần *Thân bài:*  ++ Lựa chọn kiểu tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp) cho phù hợp với từng ý triển khai trong Thân bài.  ++ Khi viết, luôn chú ý liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong bài.  ++ Chú ý kết hợp nhuần nhuyễn giữa sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong khi triển khai các ý của phần *Thân bài* để đảm bảo tính thuyết phục của một bài văn nghị luận.  ++ Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung. |

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một đoạn thơ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Đã giới thiệu được tác giả, bài thơ, đoạn trích. | |  |  |
| **Thân bài** | + Nêu tóm tắt bối cảnh câu chuyện trước đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* và chủ đề, âm hưởng bao trùm đoạn trích này.  + Phân tích khung cảnh gợi nỗi nhớ của Thuý Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.  + Phân tích nỗi nhớ thương của Thuý Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả độc thoại nội tâm nhân vật.  + Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua tám dòng thơ cuối. Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ,… | |  |  |
| - Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích: Thể thơ lục bát cổ truyền; Nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế kết hợp các biện pháp tu từ quen thuộc (ẩn dụ, nhân hóa, từ láy, thành ngữ ...); Ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ “buồn trông”… kết hợp với các hình ảnh đứng sau diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. | |  |  |
| + Đã nêu được những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân về nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | |  |  |
| **Kết bài** | - Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích.* | |  |  |
| **Kĩ năng, trình bày diễn đạt** | Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí. | |  |  |
| Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc. | |  |  |
| Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt. | |  |  |
| Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý. | |  |  |
| **d) Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa?  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả.   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | | **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc, kiểm tra chỉnh sửa lỗi sai.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, đổi chéo bài, kiểm tra, góp ý chỉnh sửa.  - Cá nhân nhận lại bài kiểm tra theo góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Học sinh nhận xét kết quả kiểm tra  - Sau khi sửa thì báo cáo kết quả sau khi đã chỉnh sửa.  **Bước 4: Đánh giá , kết luận**  **-** HS đánh giá phần trả lời của bạn.  - GV đánh giá, kết luận. | **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết, kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả. |   **PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** | | Phát hiện và sửa ý và trình tự triển khai ý | Trình tự triển khai ý |  | | Các ý cần bổ sung |  | | Phát hiện sửa lỗi về ý | Thiếu ý |  | | Sắp xếp lại ý lộn xộn |  | | Sửa lại các ý lạc đề |  | | Sửa lại các ý tản mạn |  | | Phát hiện sửa lỗi diễn đạt | Lỗi dùng từ |  | | Lỗi viết câu |  | | Lỗi chính tả | Lỗi chính tả |  | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **Nhiệm vụ 2: Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1) *Vì sao khi phân tích tác phẩm thơ, chúng ta cần chú ý để phân tích hình thức của bài thơ đó?*  2) HS đọc các đoạn văn 1,2,3 trong mục b. Bài tập, và cho biết trong các đoạn văn đó, người viết đã tập trung phân tích tác dụng của yếu tố hình thức nào của văn bản thơ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nêu được sự cần thiết phải rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của yếu tố hình thức thơ.  **-** HS chia sẻ nhận biết các đoạn văn đã phân tích các yếu tố hình thức thơ nào trong từng đoạn cụ thể.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Học sinh báo cáo, thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét và kết luận. | | **2.2. Rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của hình thức thơ**  **a. Cách thức**  - Phân tích văn học là chai tách đối tượng (tác phẩm văn, thơ, kí, kịch) thành nhiều phần, xem xét từ nhiều bình diện (nội dung, nghệ thuật); từ đó, chỉ ra giá trị (cái hay, cái đẹp, ý nghĩa, tác dụng) của đối tượng ấy.  - Phân tích tác phẩm văn học cần thấy được sự gắn bó giữa nội dung và hình thức nghệ thuật, thể hiện bằng việc nhân ra các yếu tố nghệ thuật đặc sắc và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện nội dung.  **b. Bài tập**  [Hãy phân tích một đoạn thơ trích từ Truyện Kiều (Nguyễn Du) hoặc Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu) mà em yêu thích.](https://vietjack.com/soan-van-lop-9-cd/phan-tich-mot-doan-tho-trich-tu-truyen-kieu-ma-em-yeu-thich.jsp) | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:**

**-** Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.

- Tự lập dàn ý và viết bài phân tích đoạn trích trong bài thơ khác.

**2.** **Nội dung**: Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn. Tự thực hành viết bài phân tích một đoạn trích trong bài thơ khác.

**3. Sản phẩm**: Bài viết đã chỉnh sửa, phần góp ý cho bài viết của bạn; bài viết cá nhân.

**4. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập**

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.

- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.

- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài phân tích đoạn trích trong tác phẩm truyện thơ Nôm.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.

- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Học bài, nắm chắc cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Lưu trữ lại bài viết, bảng kiểm đánh giá vào hồ sơ cá nhân.

- GV giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau:

**Nói và nghe:** Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình về một tác phẩm thơ.

**=> HS hoàn thành Phiếu chuẩn bị bài nói theo mẫu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu chuẩn bị bài nói: Nghe và nhận biết tính thuyết phục về một ý kiến. (HS chuẩn bị ở nhà)** | |
| **1. Mục đích của bài nói** | **...** |
| **2. Đối tượng người nghe** | **...** |
| **3. Phạm vi trình bày** | **...** |
| **4. Tìm ý cho bài nói:** Trả lời các câu hỏi sau:  - Ý kiến đó đúng hay sai? Vì sao?  - Ngôn ngữ Nam Bộ là gì?.  - Ngôn ngữ Nam Bộ được thể hiện ró trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga như thế nào?. | **...** |
| **5. Dàn ý bài nói:**  Mở đầu:.......  Triển khai:......  Kết luận:......... | **...** |